

Số: 109 /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động ngoại hối thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

## THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Ngoại hối và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố kèm Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động ngoại hối quy định tại Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 và bãi bỏ Quyết định số 1529/QĐ-NHNN ngày 20/7/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Quyết định này sửa đổi, bổ sung nội dung các thủ tục hành chính có mã 1.000581, 1.000569, 1.000555, 1.000541 được công bố tại Quyết định số 2307/QĐ-NHNN ngày 05/11/2019; thủ tục hành chính có mã 1.003338, 1.003331 được công bố tại Quyết định số 1629/QĐ-NHNN; thủ tục hành chính có mã 1.000186 được công bố tại Quyết định số 1262/QĐ-NHNN ngày 12/8/2016; thủ tục hành chính có mã 1.000107, 2.000074, 1.000545 được công bố tại Quyết định số 1700/QĐ-NHNN ngày 28/10/2021; thủ tục hành chính có mã 2.000085, 1.000195 được công bố tại Quyết định số 1488/QĐ-NHNN ngày 20/7/2016.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thống đốc NHNN (để báo cáo);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Cục KSTTHC – VPCP (để phối hợp);
- Lưu: VP, VP4.TPThảo, QLNHI.NMPhuong.

**KT. THỐNG ĐỐC  
PHÓ THỐNG ĐỐC**



**Đào Minh Tú**





**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỦA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 109 /QĐ-NHNN*

*ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>					
1.	1.000155	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cho doanh nghiệp	Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)
2.	1.000616	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cho tổ chức tín dụng	sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)
<b>B. Thủ tục hành chính tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố</b>					
1.	1.000581	Thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
2.	1.003338	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối	Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
3.	1.000569	Thủ tục chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế		Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

			ngoại hối		thành phố
4.	1.000555	Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế		Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
5.	1.003331	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế		Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
6.	1.000541	Thủ tục chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế		Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
7.	1.000586	Thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ		Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
8.	1.000186	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ		Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
9.	1.000107	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài		Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
10.	2.000074	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài		Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
11.	1.000545	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ		Hoạt động ngoại hối	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
12.	2.000085	Thủ tục xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng.		Hoạt động ngoại hối	NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố

13.	1.000195	Thủ tục xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng.		Hoạt động ngoại hối	NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố
-----	----------	---	--	---------------------	--------------------------------

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

### A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

#### 1. Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cho doanh nghiệp

##### - Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1:** Doanh nghiệp gửi hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

+ **Bước 2:** Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn kiểm tra về giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm kinh doanh và tình hình trang thiết bị cần thiết để triển khai hoạt động mua, bán vàng miếng tại địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố báo cáo kết quả kiểm tra cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối).

+ **Bước 4:** Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

##### - Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

##### - Thành phần hồ sơ:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

2. Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, địa điểm kinh doanh).

3. *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và văn bản thể hiện địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại điểm 2 nêu trên đã được đăng ký kinh doanh hoặc đã được thông báo tới cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.*

4. Xác nhận của cơ quan thuế về số thuế đã nộp của hoạt động kinh doanh vàng trong 02 (hai) năm liền kề trước đó.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ



- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp kinh doanh vàng có nhu cầu kinh doanh mua, bán vàng miếng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng/Vấn bản từ chối cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (ghi rõ lý do) (Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2019/TT-NHNN).

- **Lệ phí:** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 16/2012/TT-NHNN)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

+ Có vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng trở lên.

+ Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mua, bán vàng từ 2 (hai) năm trở lên.

+ Có số thuế đã nộp của hoạt động kinh doanh vàng từ 500 (năm trăm) triệu đồng/năm trở lên trong 2 (hai) năm liên tiếp gần nhất (có xác nhận của cơ quan thuế).

+ Có mạng lưới chi nhánh, địa điểm bán hàng tại Việt Nam từ 3 (ba) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Thông tư 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Thông tư 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

+ Thông tư 03/2017/TT-NHNN ngày 06/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

+ *Thông tư 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*





## PHỤ LỤC 13

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-NHNN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

### GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG

#### THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 38/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015, Thông tư số 03/2017/TT-NHNN ngày 06 tháng 6 năm 2017 và Thông tư số ... ngày ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ sung, sửa đổi một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

##### **Điều 1.** Cho phép:

1. Tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Vốn điều lệ:

**hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.**

**Điều 2.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giấy phép này được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp, ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ... ./.

##### **Nơi nhận:**

- Như Điều 1;
- NHNN chi nhánh...;
- Cơ quan TTGSNH;
- Lưu: VP, QLNH (2).

**THỐNG ĐỐC**

## **2. Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cho tổ chức tín dụng**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ **Bước 1:** Tổ chức tín dụng nộp hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

+ **Bước 2:** Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn kiểm tra về tình hình trang thiết bị cần thiết để triển khai hoạt động mua, bán vàng miếng tại địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố báo cáo kết quả kiểm tra cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối).

+ **Bước 4:** Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

### **- Thành phần hồ sơ:**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

2. Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch).

3. *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và văn bản thể hiện địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại điểm 2 nêu trên đã được đăng ký kinh doanh hoặc đã được thông báo tới cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.*

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức tín dụng có nhu cầu kinh doanh mua, bán vàng miếng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng/Văn bản từ chối cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (ghi rõ lý do) (Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2019/TT-NHNN).

- **Lệ phí:** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 16/2012/TT-NHNN)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Có vốn điều lệ từ 3.000 (ba nghìn) tỷ đồng trở lên.

+ Có đăng ký hoạt động kinh doanh vàng.

+ Có mạng lưới chi nhánh tại Việt Nam từ 5 (năm) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Thông tư 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Thông tư 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN;

+ Thông tư 03/2017/TT-NHNN ngày 06/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN;

+ *Thông tư 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*



### PHỤ LỤC 3

TÊN TỔ CHỨC TÍN  
DỤNG  
Số: ... / ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

, ngày ..... tháng ..... năm .....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG**

**Kính gửi: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
(VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)**

1. Tên tổ chức tín dụng:
2. Trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax:
4. Họ và tên Người đại diện có thẩm quyền:
5. Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng:
6. Vốn điều lệ:
7. Số lượng chi nhánh tại Việt Nam:

Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và hướng dẫn tại Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP, Thông tư số 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 và Thông tư số 03/2017/TT-NHNN ngày 06/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN và *Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối*, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cho (tên tổ chức tín dụng).

Chúng tôi xin cam đoan:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hồ sơ gửi kèm:** (Tổ chức tín dụng liệt kê các tài liệu gửi kèm)

## PHỤ LỤC 13

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM

Số: /GP-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

### GIẤY PHÉP KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG

#### THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 38/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015, Thông tư số 03/2017/TT-NHNN ngày 06 tháng 6 năm 2017 và Thông tư số ... ngày ... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ sung, sửa đổi một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

##### **Điều 1.** Cho phép:

1. Tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Vốn điều lệ:

**hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng.**

**Điều 2.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giấy phép này được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho tên tổ chức tín dụng/doanh nghiệp, ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ... ./.

##### **Nơi nhận:**

- Như Điều 1;
- NHNN chi nhánh...;
- Cơ quan TTGSNH;
- Lưu: VP, QLNH (2).

**THỐNG ĐỐC**

## **B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương**

### **1. Thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế**

#### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi trả ngoại tệ cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính xem xét, cấp văn bản chấp thuận thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo rõ lý do.

#### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua dịch vụ bưu chính.

#### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 01 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Tên, địa chỉ, người đại diện và tư cách pháp nhân của các bên;

(ii) Số tài khoản, ngân hàng nơi mở tài khoản chuyên dùng ngoại tệ của trụ sở chính tổ chức kinh tế;

(iii) Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng;

(iv) Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong trường hợp người thụ hưởng có nhu cầu nhận bằng đồng Việt Nam (nếu có);

(v) Phí hoa hồng được hưởng;



(vi) Các thoả thuận khác (về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, thời hạn của hợp đồng, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, giải quyết tranh chấp phát sinh và các thoả thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật);

+ Phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Địa bàn hoạt động và nguồn nhân lực dự kiến;

(ii) Nội dung, phương thức, quy trình nhận và chi, trả ngoại tệ;

(iii) Dự kiến về doanh số, thu nhập từ hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác định tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (Phụ lục số 01 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Có hợp đồng với đối tác nước ngoài về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Có phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ do người đại diện hợp pháp ký.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân;

+ Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

+ *Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*

**TÊN TỔ CHỨC  
KINH TẾ**

**Phụ lục 1**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng ....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN  
TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

(Tên tổ chức kinh tế) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh .....cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức kinh tế:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....cấp ngày .../.../....

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng số ..... ngày .... tháng ..... năm ... ký giữa (tên tổ chức kinh tế)....và (tên đối tác nước ngoài) .....để nhận ngoại tệ từ nước ngoài chuyển về chi trả cho người thụ hưởng trong nước;

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.... xem xét, chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ tại các địa điểm sau:

STT	Tên tổ chức trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ		
	Địa điểm chi trả	Địa chỉ	Điện thoại, Fax
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
n	Địa điểm chi trả số n		



(địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		
---	--	--

Tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ:

1. Trụ sở chính:

**Tên ngân hàng mở tài khoản:**

STT	Loại tài khoản	Số tài khoản
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...	....	

2. Địa điểm chi trả số... :

**Tên ngân hàng mở tài khoản :**

STT	Loại tài khoản	Số tài khoản
1	USD	
2	EUR	
3	GBP	
...	....	

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ, (tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

*(ký tên, đóng dấu)*

## **2. Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung hoạt động trực tiếp nhận và chi trả ngoại tệ cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính xem xét, cấp văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ *Trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia hoặc Công dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;*

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua dịch vụ bưu chính.

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 05 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Các giấy tờ cần thiết có liên quan đến việc thay đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 5 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân;

+ Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

+ *Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*

**TỔ CHỨC KINH TẾ/  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục 5**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN  
TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI,  
TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi : - Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối)  
(đối với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)  
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....Cấp ngày:...../...../

Cơ quan cấp:

Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) số .... cấp ngày: ..../....

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Chúng tôi đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ) với nội dung như sau:

- 1.
- 2.
- 3.

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ, (Tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

### **3. Thủ tục chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế**

#### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế gửi 01 (một) bộ hồ sơ chấp thuận gia hạn thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính xem xét, cấp văn bản chấp thuận gia hạn thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính có văn bản thông báo rõ lý do.

#### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua dịch vụ bưu chính.

#### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận gia hạn thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 5 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài còn hiệu lực;

+ Phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Địa bàn hoạt động và nguồn nhân lực dự kiến;

(ii) Nội dung, phương thức, quy trình nhận và chi, trả ngoại tệ;

(iii) Dự kiến về doanh số, thu nhập từ hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.



- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 5 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Có hợp đồng với đối tác nước ngoài về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;  
+ Có phương án thực hiện dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ do người đại diện hợp pháp ký;

+ Văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ đã được cấp còn hiệu lực tối thiểu 30 (ba mươi) ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

+ Không vi phạm chế độ báo cáo định kỳ về số liệu nhận và chi, trả ngoại tệ.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bản đối ngoại tệ của cá nhân;

+ Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

+ *Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*

**TỔ CHỨC KINH TẾ/  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN  
TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI,  
TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi : - Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối)  
(đối với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)  
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....Cấp ngày:...../...../

Cơ quan cấp:

Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) số .... cấp ngày: ..../....

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Chúng tôi đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ) với nội dung như sau:

- 1.
- 2.
- 3.

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ, (Tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

#### **4. Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế**

##### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng (chưa được phép hoạt động ngoại hối), tổ chức kinh tế gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét, cấp văn bản chấp thuận thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo rõ lý do.

##### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua dịch vụ bưu chính.

##### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 03 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Bản sao các giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký với tổ chức ủy quyền bao gồm những nội dung chính sau: Phương thức chi, trả; mạng lưới chi, trả; tỷ lệ phí hoa hồng; quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Hợp đồng;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tín dụng chưa được phép hoạt động ngoại hối, tổ chức kinh tế.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 03 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Được tổ chức tín dụng được phép uỷ quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đối ngoại tệ của cá nhân;

+ Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

+ *Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*

**TỔ CHỨC KINH TẾ/  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng .....năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN  
ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.....

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

(Tên tổ chức) đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh .....cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ theo các nội dung sau:

Tên tổ chức:

Trụ sở tại:

Số điện thoại:

Số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số.....cấp ngày ...../...../.....

Cơ quan cấp:

Trên cơ sở hợp đồng uỷ quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ số .....ngày.....ký giữa (tên tổ chức làm đại lý).....với (tên tổ chức uỷ quyền) .....

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh .....xem xét, chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ với các nội dung sau:

STT	Tên tổ chức làm đại lý chi trả ngoại tệ		
	Địa điểm chi trả	Địa chỉ	Điện thoại, Fax
1	Trụ sở chính		
2	Địa điểm chi trả số 1		
3	Địa điểm chi trả số 2		
n	Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở		



	tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính)		
--	---	--	--

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ, (tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

*(ký tên, đóng dấu)*

## **5. Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ *Bước 1: Tổ chức tín dụng (chưa được phép hoạt động ngoại hối), tổ chức kinh tế gửi 01 (một) bộ hồ sơ chấp thuận thay đổi, bổ sung hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.*

+ *Bước 2: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét, cấp văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo rõ lý do.*

### **- Cách thức thực hiện:**

+ *Thực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia hoặc Công dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;*

+ *Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);*

+ *Qua dịch vụ bưu chính.*

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ *Đơn đề nghị chấp thuận thay đổi, bổ sung hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 05 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);*

+ *Các giấy tờ cần thiết có liên quan đến việc thay đổi, bổ sung nêu tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 5 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN.*

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng chưa được phép hoạt động ngoại hối, tổ chức kinh tế.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn:** Có

Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 05 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân;

+ *Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*

TỔ CHỨC KINH TẾ/  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN  
TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI,  
TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi : - Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối)  
(đôi với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)  
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....Cấp ngày:...../...../.....

Cơ quan cấp:

Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) số .... cấp ngày: ..../.....

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Chúng tôi đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ) với nội dung như sau:

- 1.
- 2.
- 3.

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ, (Tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(ký tên, đóng dấu)

## **6. Thủ tục chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: *Tổ chức tín dụng (chưa được phép hoạt động ngoại hối), tổ chức kinh tế gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận gia hạn hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.*

+ Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét, cấp văn bản chấp thuận gia hạn thực hiện đại lý chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ *Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;*

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua dịch vụ bưu chính.

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 05 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN);

+ Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt hợp đồng nhận và chi, trả ngoại tệ ký với đối tác nước ngoài còn hiệu lực.

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**- Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng chưa được phép hoạt động ngoại hối, tổ chức kinh tế.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ

**- Lệ phí:** Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**



Đơn đề nghị chấp thuận gia hạn đăng ký chi, trả ngoại tệ (Phụ lục 05 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- + Được tổ chức tín dụng được phép ủy quyền làm đại lý chi, trả ngoại tệ;
- + Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ đã được cấp còn hiệu lực tối thiểu 30 (ba mươi) ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
- + Không vi phạm chế độ báo cáo định kỳ về số liệu nhận và chi, trả ngoại tệ.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế;

+ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều kiện của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước;

+ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

+ Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đối ngoại tệ của cá nhân;

+ Thông tư số 15/2019/TT-NHNN ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối;

+ *Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*

TỔ CHỨC KINH TẾ/  
TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN  
TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ/ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI,  
TRẢ NGOẠI TỆ**

Kính gửi : - Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối)  
(đối với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam)  
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố...

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....Cấp ngày:...../...../

Cơ quan cấp:

Văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) số .... cấp ngày: ..../....

Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ;

Chúng tôi đề nghị thay đổi, bổ sung, gia hạn văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ) với nội dung như sau:

- 1.
- 2.
- 3.

(Tên tổ chức) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của nội dung trong đơn và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trong quá trình thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ/đại lý chi, trả ngoại tệ, (Tên tổ chức) cam kết chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

(ký tên, đóng dấu)

## **7. Thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ **Bước 1:** Doanh nghiệp gửi hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

+ **Bước 2:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

+ **Bước 3:** Căn cứ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục và kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính; hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

### **- Thành phần hồ sơ:**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư 16/2012/TT-NHNN);

2. Văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp kinh doanh vàng có nhu cầu sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/ hoặc Văn bản từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-NHNN).

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo Phụ lục 1 Thông tư 16/2012/TT-NHNN);

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

+ Có địa điểm, cơ sở vật chất và các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Thông tư 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Thông tư 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

+ Thông tư 03/2017/TT-NHNN ngày 06/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

+ *Thông tư 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*





PHỤ LỤC 16

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM  
CHI NHÁNH TỈNH/THÀNH  
PHỐ...

Số: ...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng... năm...

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC MỸ NGHỆ**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH .....**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Căn cứ Thông tư số ..... hướng dẫn Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và hồ sơ kèm theo của .....*

**CHỨNG NHẬN:**

**Điều 1.** Chứng nhận:

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
3. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa điểm sản xuất:

**đủ điều kiện và được phép hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.**

**Điều 2.** Trong quá trình hoạt động doanh nghiệp phải chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, Thông tư số ... ngày ... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

**Điều 3.** Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**GIÁM ĐỐC**

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- (được bãi bỏ);
- Lưu: Chi nhánh.

## **8. Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ **Bước 1:** Doanh nghiệp gửi hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;

+ **Bước 2:** Căn cứ quy định về điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (trường hợp thay đổi địa điểm sản xuất), trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, NHNN chi nhánh xem xét cấp Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính; hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

### **- Thành phần hồ sơ:**

1. Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

2. Văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ tại địa chỉ mới (trường hợp điều chỉnh địa điểm sản xuất).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ có thay đổi liên quan đến nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (Phụ lục 21 ban hành kèm theo Thông tư 38/2015/TT-NHNN).

- **Lệ phí:** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Có địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN;

+ Thông tư 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM  
CHI NHÁNH TỈNH/THÀNH  
PHỐ .....

PHỤ LỤC 21  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ... tháng... năm...

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của (tên doanh nghiệp) lần thứ...**

### GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH...

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Căn cứ Thông tư số ... ngày .... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Xét văn bản đề nghị số ngày của (tên doanh nghiệp) và hồ sơ kèm theo,*

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Các nội dung ... tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của (tên doanh nghiệp) số... ngày... được điều chỉnh như sau:

.....  
**Điều 2.** Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của (tên doanh nghiệp) có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của doanh nghiệp.

**GIÁM ĐỐC**

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 1;
- NHNN (Vụ QLNH) (để báo cáo);
- Lưu: Chi nhánh.

**9. Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài**

**- Trình tự thực hiện:**

+ **Bước 1:** Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm.

**- Cách thức thực hiện:**

+ *Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;*

+ *Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;*

+ *Qua dịch vụ bưu chính.*

**- Thành phần hồ sơ:**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm.

2. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.

3. Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp trong 12 tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập – tái xuất vàng và phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này.

4. Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**- Thời hạn giải quyết:** *15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm (Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-NHNN).

**- Lệ phí:** Không



**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm (Phụ lục 4 Thông tư 16/2012/TT-NHNN);

+ Báo cáo tình hình thực hiện nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (Phụ lục 7 Thông tư 38/2015/TT-NHNN);

+ Bảng kê các tờ khai Hải quan (Phụ lục 7a Thông tư 38/2015/TT-NHNN).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ do NHNN cấp.

+ Nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.

+ Không vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh vàng trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Thông tư 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN;

+ Thông tư 15/2021/TT-NHNN ngày 30/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

+ *Thông tư 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*

## PHỤ LỤC 4

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:...../.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----  
, ngày ..... tháng ..... năm .....

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP TẠM NHẬP VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỂ TÁI XUẤT SẢN PHẨM

**Kính gửi:** NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

1. Tên tổ chức:
2. Trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax:
4. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền:
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:

Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và hướng dẫn tại Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP, Thông tư 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN và *Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối*, đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ... xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho (tên doanh nghiệp), với nội dung như sau:

1. Khối lượng vàng xin nhập khẩu (tính theo Kg):
2. Loại vàng xin nhập khẩu (tính theo Kara):
3. Mục đích nhập khẩu:
4. Cửa khẩu nhập khẩu:
5. Thời gian dự định nhập khẩu:

***Chúng tôi xin cam đoan:***

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

**Hồ sơ gửi kèm:** (Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm).

## PHỤ LỤC 7

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN DOANH NGHIỆP

Số: .../...

Điện thoại:

Fax:

....., ngày tháng năm .....

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.....

### **BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU, SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

*(Áp dụng cho doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài)*

**Báo cáo từ ... đến ...**

Hạn ngạch (kilôgam)	Tồn đầu kỳ		Nhập khẩu		Sản xuất		Xuất khẩu		Tồn cuối kỳ	
	Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (USD)	Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (USD)	Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (VND)	Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (USD)	Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (USD)
<b>Tổng</b>										

**Người lập biểu**

*(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)*

**Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Hồ sơ gửi kèm:**

- Bảng kê các tờ khai Hải quan;
- Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này.

**PHỤ LỤC 7a**

TÊN DOANH NGHIỆP

Số .../...

Điện thoại:

Fax:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: .....

**BẢNG KÊ CÁC TỜ KHAI HẢI QUAN (XUẤT KHẨU/ NHẬP KHẨU/ TẠM NHẬP TÁI XUẤT)**

STT	Số tờ khai	Ngày đăng ký	Sản phẩm xuất khẩu		Vàng nguyên liệu nhập khẩu được sử dụng để sản xuất, gia công sản phẩm xuất khẩu <i>(chi tiết đối với từng tờ khai)</i>		
			Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (USD)	Loại vàng	Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (USD)
<b>Tổng</b>							

**Người lập biểu**

*(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)*

**Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**PHỤ LỤC 17**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
CHI NHÁNH TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày ... tháng ... năm...

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU  
ĐỂ TÁI XUẤT SẢN PHẨM**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH....**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Căn cứ Thông tư số ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ sung, sửa đổi một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm và hồ sơ kèm theo của ...;*

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Cho phép doanh nghiệp ... được nhập khẩu vàng nguyên liệu với khối lượng ...Kg (*Bằng chữ*) qua cửa khẩu ..... trong năm .... để tái xuất sản phẩm, cụ thể như sau:

<b>Loại vàng (K)</b>	<b>Khối lượng (Kg)</b>
24K	
18K	
....	...
<b>Tổng</b>	

Việc tái xuất sản phẩm thực hiện trong thời hạn có giá trị của Giấy phép.

2. Yêu cầu doanh nghiệp chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP,



Thông tư số ... ngày ... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày.....

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp ...;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố... (để p/hợp);
- NHNN (Vụ QLNH) (để b/c);
- Lưu: Chi nhánh.

**GIÁM ĐỐC**

**10. Thủ tục điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài**

**- Trình tự thực hiện:**

+ **Bước 1:** Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

+ **Bước 2:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp hoặc từ chối cấp Quyết định điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm.

**- Cách thức thực hiện:**

+ *Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;*

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;

+ Gửi qua dịch vụ bưu chính.

**- Thành phần hồ sơ:**

1. Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm

2. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài hoặc phụ lục hợp đồng liên quan đến việc điều chỉnh Giấy phép.

3. Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp kể từ thời điểm được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đến thời điểm nộp hồ sơ, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập – tái xuất vàng và phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này.

4. Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**- Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm (Phụ lục 21 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-NHNN).

- **Lệ phí:** không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Báo cáo tình hình thực hiện nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (Phụ lục 7 Thông tư 38/2015/TT-NHNN);

+ Bảng kê các tờ khai Hải quan (Phụ lục 7a Thông tư 38/2015/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012;

+ Thông tư 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

+ *Thông tư 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*

## PHỤ LỤC 7

TÊN DOANH NGHIỆP

Số: .../...

Điện thoại:

Fax:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm .....

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.....

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU, SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ

(Áp dụng cho doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài)

**Báo cáo từ ... đến ...**

Hạn ngạch (kilôgam)	Tồn đầu kỳ		Nhập khẩu		Sản xuất		Xuất khẩu		Tồn cuối kỳ	
	Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (USD)	Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (USD)	Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (VND)	Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (USD)	Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (USD)
<b>Tổng</b>										

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

**Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hồ sơ gửi kèm:**

- Bảng kê các tờ khai Hải quan;
- Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này.

**PHỤ LỤC 7a**

TÊN DOANH NGHIỆP

Số .../...

Điện thoại:

Fax:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: .....

**BẢNG KÊ CÁC TỜ KHAI HẢI QUAN (XUẤT KHẨU/ NHẬP KHẨU/ TẠM NHẬP TÁI XUẤT)**

STT	Số tờ khai	Ngày đăng ký	Sản phẩm xuất khẩu		Vàng nguyên liệu nhập khẩu được sử dụng để sản xuất, gia công sản phẩm xuất khẩu <i>(chi tiết đối với từng tờ khai)</i>		
			Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (USD)	Loại vàng	Khối lượng (kilôgam)	Giá trị (USD)
<b>Tổng</b>							

**Người lập biểu**  
*(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)*

**Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*



Số: .....

..., ngày... tháng... năm...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của (tên doanh nghiệp) lần thứ...**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH...**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Căn cứ Thông tư số ... ngày .... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Xét văn bản đề nghị số ngày của (tên doanh nghiệp) và hồ sơ kèm theo,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Các nội dung ... tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của (tên doanh nghiệp) số... ngày... được điều chỉnh như sau:

.....

**Điều 2.** Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của (tên doanh nghiệp) có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm của doanh nghiệp.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 1;
- Lưu: Chi nhánh.

**GIÁM ĐỐC**

## **11. Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính

+ Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố gửi hồ sơ đề nghị cấp phép của doanh nghiệp và văn bản của NHNN chi nhánh có ý kiến về việc doanh nghiệp có đủ hoặc không đủ điều kiện được cấp Giấy phép đến NHNN Việt Nam.

+ Bước 3: Trong thời hạn tối đa 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, NHNN Việt Nam gửi văn bản thông báo việc chấp thuận hoặc từ chối cấp phép đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

+ Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của NHNN Việt Nam, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính; hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

### **- Thành phần hồ sơ:**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu;

2. Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu và sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ của doanh nghiệp trong thời hạn 12 tháng liền kề trước thời điểm báo cáo, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan nhập khẩu vàng và phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này.

3. Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**- Thời hạn giải quyết:** 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu (Phụ lục 18 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-NHNN).

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu vàng nguyên liệu (Phụ lục 4 Thông tư 16/2012/TT-NHNN);

+ Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu và sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ của doanh nghiệp (Phụ lục 6 Thông tư 38/2015/TT-NHNN);

+ Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (Phụ lục 6a Thông tư 38/2015/TT-NHNN);

+ Bảng kê các tờ khai Hải quan (theo mẫu tại Phụ lục 7a Thông tư 38/2015/TT-NHNN).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

+ Nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu phù hợp với kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

+ Không vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, quy định của pháp luật về quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường trong thời hạn 12 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị cấp và cho đến thời điểm cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Thông tư 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

+ Thông tư 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN;

+ Thông tư 03/2017/TT-NHNN ngày 06/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN;

+ Thông tư số 29/2019/TT-NHNN ngày 27/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN;

+ Thông tư 15/2021/TT-NHNN ngày 30/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

+ *Thông tư 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*

#### PHỤ LỤC 4

TÊN DOANH NGHIỆP

Số: .../...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
, ngày ..... tháng ..... năm .....

#### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU**

**Kính gửi:** NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

1. Tên tổ chức:
2. Trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax:
4. Họ và tên Người đại diện có thẩm quyền:
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:

Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và hướng dẫn tại Thông tư số 16/2012/TT-NHNN hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP, Thông tư số 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 và Thông tư số 03/2017/TT-NHNN ngày 06/6/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN và Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho (tên doanh nghiệp), với nội dung như sau:

1. Khối lượng vàng xin nhập khẩu (tính theo Kg):
2. Loại vàng xin nhập khẩu (tính theo Kara):
3. Mục đích nhập khẩu:
4. Cửa khẩu nhập khẩu:
5. Thời gian dự định nhập khẩu:

***Chúng tôi xin cam đoan:***

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh;
- Tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các quy định về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Hồ sơ gửi kèm:** (Doanh nghiệp liệt kê các tài liệu gửi kèm)

TÊN DOANH NGHIỆP

Số: .../...

Điện thoại:

Fax:

## PHỤ LỤC 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối);

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/ thành phố ... .

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ

(Áp dụng cho doanh nghiệp nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ)

Báo cáo từ ... đến ...

Hạn ngạch (Kg)	Tồn đầu kỳ		Nhập khẩu		Sản xuất			Tồn cuối kỳ	
	Khối lượng (Kg)	Giá trị (USD)	Khối lượng (Kg)	Giá trị (USD)	Loại	Khối lượng (Kg)	Giá trị (VND)	Khối lượng (Kg)	Giá trị (USD)
					1. Nhẫn				
					- Nhẫn tròn, trơn				
					- Nhẫn khác				
					2. Dây				
					3. Mặt dây chuyền				
					...				
<b>Tổng</b>									

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)

**Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hồ sơ gửi kèm:**

- Bộ hồ sơ nhập khẩu, chứng từ nhập kho vàng nguyên liệu;

- Bảng kê các tờ khai Hải quan;

- Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này.



**PHỤ LỤC 6a**

TÊN DOANH NGHIỆP

Số .../...

Điện thoại:

Fax:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/ thành phố ...

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ NĂM ...***(Áp dụng cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu)*

STT	Tên hàng	Hàm lượng vàng (kara)	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng khối lượng (kilôgam)	Thời gian sản xuất 1 đơn vị	Khối lượng vàng nguyên liệu 99,99% sử dụng để sản xuất	Giá trị (VND)	Nguồn nguyên liệu để sản xuất (nhập khẩu, mua ngoài thị trường...)	Ghi chú
1	Nhẫn									
	- Nhẫn tròn, trơn									
	- Nhẫn khác									
2	Dây									
3	Mặt dây chuyền									
	...									
<b>Tổng cộng</b>										

**Ghi chú:** Đối với nhẫn tròn, trơn, đề nghị doanh nghiệp ghi rõ các đặc điểm về trọng lượng nhẫn (loại 1 chỉ, 2 chỉ, 5 chỉ, 1 lượng...) và có đóng vỉ hay không, khối lượng cụ thể của từng loại.

**Người lập biểu***(Ký, họ tên, số điện thoại liên hệ)***Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**PHỤ LỤC 18**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CHI NHÁNH TỈNH/THÀNH PHỐ... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

..., ngày ... tháng... năm ...

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU VÀNG NGUYÊN LIỆU  
ĐỂ SẢN XUẤT VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ**

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH....**

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Căn cứ Thông tư số ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ sung, sửa đổi một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và hồ sơ kèm theo của Công ty ....;*

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Cho phép doanh nghiệp... được nhập khẩu vàng nguyên liệu với khối lượng ...Kg (*Bằng chữ.....*) qua cửa khẩu ..... để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, cụ thể như sau:

<b>Loại vàng (K)</b>	<b>Khối lượng (Kg)</b>
24K	
18K	
....	...
<b>Tổng</b>	

2. Yêu cầu doanh nghiệp chấp hành nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, Thông tư số ... ngày ... sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày .....

**Nơi nhận:**

- Công ty...;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố...(để phối hợp);
- NHNN (Vụ QLNH) (để b/c);
- Lưu: Chi nhánh.

**GIÁM ĐỐC**

## **12. Thủ tục xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ **Bước 1:** Nhà đầu tư gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng có trụ sở chính hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú hoặc nơi nhà đầu tư khác đăng ký kinh doanh.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hồ sơ.

+ **Bước 3:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của nhà đầu tư.

Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ *Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;*

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua dịch vụ bưu chính.

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm Thông tư 12.

+ Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

+ Bản sao tiếng nước ngoài, bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của nhà đầu tư về tính chính xác của bản sao và bản dịch) văn bản chấp thuận hoặc cấp phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư;

+ Bản chính văn bản xác nhận của Tổ chức tín dụng được phép về việc mở tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư trong đó nêu rõ số tài khoản, loại ngoại tệ.

+ Bản chính văn bản xác nhận của Tổ chức tín dụng được phép về số tiền nhà đầu tư đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với trường hợp đã chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

+ Văn bản giải trình về nhu cầu chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam đối với trường hợp chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng được phép đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận/từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (Phụ lục 01 Thông tư số 12).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18/3/2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối.

+ Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/06/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

+ *Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*

**PHỤ LỤC SỐ 01**

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2016/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2016 của Ngân hàng nhà nước)

**TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI  
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý Ngoại hối) hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh/thành phố ...**

Căn cứ Thông tư số ...../2016/TT-NHNN ngày ...../.../2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số .....ngày .....

Căn cứ vào thỏa thuận, cam kết tiến độ góp vốn đầu tư của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của {Tên nhà đầu tư};

{Tên nhà đầu tư} đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố về giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài như sau:

**I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ:**

- Tên nhà đầu tư: .....
- Địa chỉ: .....
- Số điện thoại: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số ..... ngày .....
- Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện,..... ở nước ngoài số ..... ngày ..... {đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng}
- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số ..... ngày .....
- Tên Dự án/ Tên Hợp đồng BCC:
- Địa điểm thực hiện Dự án:
- Tổng vốn đầu tư được cấp phép theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài: .....



- Giá trị góp vốn của Nhà đầu tư: ....., Trong đó:
- + Bằng tiền: .....
- + Bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc; hàng hóa; lợi nhuận giữ lại tái đầu tư; tài sản khác): .....{*chi tiết các hình thức góp vốn*}
- Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:...
- + Thời gian chuyển: .....
- + Mục đích sử dụng: .....
- + Tài khoản ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số....., mở tại ..... ngày.....

**II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VỀ GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI:**

1. Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư {*Loại ngoại tệ*} số: ..... mở tại: .....
2. Tổng vốn đầu tư đăng ký chuyển ra nước ngoài:.....
3. Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền			Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư			Giá trị góp vốn khác		
		Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ	Ngoại tệ	Quy USD	VNĐ
1	Quý....Năm .....									
2	Quý....Năm .....									
.....	.....									

(*Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn*)

**III. CAM KẾT:**

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin ghi trong Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {*Tên nhà đầu tư*}.
2. {*Tên nhà đầu tư*} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số ...../2016/TT-NHNN ngày ...../...../2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Hồ sơ đính kèm:**

.....

**NHÀ ĐẦU TƯ**

### **13. Thủ tục xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng**

#### **- Trình tự thực hiện:**

+ **Bước 1:** Nhà đầu tư gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối hoặc nơi xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối lần gần nhất đối với trường hợp đã đăng ký thay đổi.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hồ sơ.

+ **Bước 3:** Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký thay đổi đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi cho nhà đầu tư.

Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

#### **- Cách thức thực hiện:**

+ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Qua dịch vụ bưu chính.

#### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo Phụ lục số 02 ban hành kèm Thông tư 12;

+ Bản chính xác nhận của Tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư về số dư trên tài khoản này; số tiền đã chuyển ra nước ngoài và số tiền đã chuyển về Việt Nam đến thời điểm phát sinh thay đổi;

+ Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đã được điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp áp dụng đối với các trường hợp thay đổi sau: (i) Thay đổi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài; thay đổi tên nhà đầu tư; thay đổi địa chỉ của nhà đầu tư đối với trường hợp sự thay đổi này làm thay đổi cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

(ii) Thay đổi liên quan đến tăng hoặc giảm vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư (trừ trường hợp Nhà đầu tư sử dụng lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài để tăng vốn, mở rộng hoạt động đầu tư ở nước ngoài).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng được phép đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận/từ chối xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn:** Có

Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (Phụ lục 02 Thông tư số 12).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18/3/2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối.

+ Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29/06/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

+ *Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.*

**PHỤ LỤC SỐ 02**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2016/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2016 của Ngân hàng nhà nước)*

**TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh/thành phố ...**

Căn cứ Thông tư số ...../2016/TT-NHNN ngày ....../...../2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh số ..... ngày .....

Căn cứ các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác về việc thay đổi liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

{Tên nhà đầu tư} đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố ..... về giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ:**

1. Tên nhà đầu tư: .....
2. Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số ..... ngày .....
3. Văn bản xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài số ..... ngày .....

(liệt kê theo trình tự thời gian tất cả các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi);

**II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI:**

1. Thay đổi 1 .....:
  - Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký: .....
  - Nội dung đề nghị thay đổi: .....
  - Lý do thay đổi: .....

2. Thay đổi n:....

- Nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký:  
.....
- Nội dung đề nghị thay đổi: .....
- Lý do thay đổi: .....

**III. CAM KẾT:**

1. Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của nhà đầu tư) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký thay đổi nêu trên của {Tên nhà đầu tư}.
2. {Tên nhà đầu tư} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số ...../2016/TT-NHNN ngày ...../...../2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

*Hồ sơ đính kèm:*

.....

**NHÀ ĐẦU TƯ**

*ml*